

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/KDTM-PT
Ngày 10-01-2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Minh Đa

Các Thẩm phán: Ông Phan Trí Dũng

Ông Huỳnh Văn Luật

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Bé - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2022/TLPT-KDTM ngày 25/11/2022 về việc “tranh chấp hợp đồng cung cấp suất ăn công nghiệp”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/KDTM-ST ngày 05/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã T1, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 27/2022/QĐXXPT-KDTM ngày 06/12/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn (viết tắt TNHH) Một thành viên P; trụ sở: thửa đất số 926, tờ bản đồ số 46, khu phố K1, phường K2, thị xã T1, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị Thanh T2, sinh năm 1990; thường trú: 272 L5, đường T3, Phường A, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: B8/1L, Khuất Văn B, ấp 2, xã T3, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 08/01/2023); có mặt.

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn (viết tắt TNHH) E; địa chỉ: lô O, đường D4, khu công nghiệp Nam T1, phường K2, thị xã T1, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1986; địa chỉ thường trú: thôn B3, xã An L, huyện B1, tỉnh Hà Nam; địa chỉ liên hệ: số 133, đường L, phường H1, thành phố T4, tỉnh Bình Dương (văn bản ủy quyền ngày 20/6/2022); có mặt.

- *Người kháng cáo: Bị đơn Công ty TNHH E*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/4/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Lê Thị Thanh T2 trình bày:

Ngày 21/7/2021, nguyên đơn Công ty TNHH Một thành viên P (sau đây gọi tắt là Công ty P) ký hợp đồng cung cấp suất ăn công nghiệp với bị đơn Công ty TNHH E (sau đây gọi tắt là Công ty E). Theo hợp đồng, nguyên đơn có trách nhiệm cung cấp suất ăn hằng ngày cho công nhân của bị đơn; số lượng suất ăn 300 suất/bữa (có tăng, giảm số lượng theo ngày), trị giá 20.000 đồng/suất chưa bao gồm thuế VAT; cung cấp ba bữa/ngày (sáng, trưa, chiều) và 7 ngày/tuần. Nguyên đơn có trách nhiệm xuất hóa đơn trước ngày 15 hàng tháng nếu bị đơn có yêu cầu xuất hóa đơn.

Thực tế, nguyên đơn đã cung cấp suất ăn cho công nhân của bị đơn từ trước ngày 21/7/2021; đến ngày 13/8/2021, đại diện của bị đơn gọi điện báo cho nguyên đơn ngưng cung cấp các suất ăn do ảnh hưởng dịch bệnh covid-19. Từ ngày 14/8/2021, nguyên đơn ngưng cung cấp thức ăn cho bị đơn. Về việc thanh toán: Ngày 13/8/2021, bị đơn chuyển khoản thanh toán cho nguyên đơn số tiền 381.766.000 đồng (*ba trăm tám mươi một triệu, bảy trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*) là tiền thanh toán các suất ăn của tháng 7/2021.

Số tiền còn lại (*hai trăm mười sáu triệu, tám trăm chín mươi chín nghìn đồng*) của các suất ăn từ ngày 01/8/2021 đến hết ngày 13/8/2021. Ngày 31/8/2021, nguyên đơn xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 000031 với số tiền 216.898.000 đồng cho bị đơn để thanh toán giá trị suất ăn tính từ ngày 01/8/2021 đến 31/8/2021 nhưng bị đơn không thanh toán; nguyên đơn có đơn nhờ Ban Q của tỉnh hòa giải sự việc nhưng bị đơn vẫn không thanh toán số tiền nợ 216.898.000 đồng còn lại.

Nay, nguyên đơn Công ty P yêu cầu bị đơn Công ty E thanh toán số tiền là 216.898.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà, người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Đại diện cho bị đơn thừa nhận có ký hợp đồng cung cấp suất ăn công nghiệp với nguyên đơn vào ngày 21/7/2021, nội dung hợp đồng như đại diện của nguyên đơn trình bày.

Việc thực hiện hợp đồng: Nguyên đơn cung cấp thức ăn cho công nhân của bị đơn từ trước ngày ký hợp đồng 21/7/2022, giá trị hợp đồng mà nguyên đơn thực hiện đến 31/7/2021 với số tiền 381.766.000 đồng và đã được bị đơn thanh toán xong.

Nguyên đơn trình bày vào ngày 13/8/2021, bị đơn báo cho nguyên đơn ngưng cung cấp suất ăn công nghiệp cho bị đơn là không đúng vì tháng 8/2021, là thời điểm dịch bệnh Covid-19 bùng phát mạnh trên địa bàn tỉnh Bình Dương; trong khi bị đơn đang thực hiện mô hình 03 tại chỗ nên nhu cầu ăn uống của người lao động tại chỗ là cần thiết và không có lựa chọn khác. Phía nguyên đơn đã tự ý ngưng cung cấp suất ăn cho bị đơn là vi phạm hợp đồng; công nhân của phía bị đơn phải dùng sữa, bánh mì, mì tôm...trong nhiều ngày để duy trì sản xuất.

Bị đơn không thừa nhận thời gian nguyên đơn cung cấp các suất ăn cho bị đơn kết thúc đến hết ngày 13/8/2021, không đồng ý thanh toán số tiền 216.898.000 đồng như yêu cầu của nguyên đơn.

Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 15/2022/KDTM-ST ngày 05/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã T1, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV P với bị đơn Công ty TNHH E về việc “tranh chấp hợp đồng cung cấp suất ăn công nghiệp”.

2. Buộc Công ty TNHH E phải thanh toán trả cho Công ty TNHH MTV P số tiền 216.898.000 đồng (hai trăm mười sáu triệu, tám trăm chín mươi tám nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 15/9/2022, bị đơn Công ty TNHH E có đơn kháng cáo toàn bộ bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và thừa nhận bị đơn chỉ còn nợ nguyên đơn số tiền cung cấp thức ăn của 01 ngày 01/8/2021, còn số tiền cụ thể thì yêu cầu nguyên đơn chứng minh.

Hai bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện và chứng minh bằng Hợp đồng ngày 21/7/2021, biên bản hòa giải tại Ban quản lý các khu công nghiệp, phiếu đặt cơm của nhân viên bị đơn (bà T4) và hóa đơn giá trị gia tăng của nguyên đơn gửi cho bị đơn; do đó, có căn cứ xác định nguyên đơn có cung cấp suất ăn công nghiệp cho bị đơn từ ngày 01/8/2021 đến 13/8/2021, bị đơn chưa thanh toán tiền. Án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn Công ty TNHH Một thành viên P đăng ký thành lập lần đầu ngày 14/11/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 21/5/2019; mã số doanh nghiệp 3702719418; người đại diện theo pháp luật là bà Bùi Thị Thanh T5.

Bị đơn Công ty TNHH E đăng ký thành lập lần đầu ngày 18/7/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 22/4/2022; mã số doanh nghiệp 3702791478; người đại diện theo pháp luật là ông Z (Quốc tịch: C, hộ chiếu số LG973734) - chức vụ: Giám đốc.

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu thanh toán tiền theo Hợp đồng cung cấp suất ăn công nghiệp ký ngày 21/7/2021; bản chất của hợp đồng là mua bán (suất ăn cho công nhân và đã được nấu chín), do đó quan hệ tranh chấp phải là “Hợp đồng mua

bán hàng hóa” theo quy định tại Chương II của Luật Thương mại. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “hợp đồng cung cấp suất ăn công nghiệp” là chưa chính xác.

Ngày 22/6/2022, đại diện cho bị đơn ông Z ký văn bản ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Nguyễn Văn H, trong đó có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm; ngày 15/9/2022, ông H đại diện cho bị đơn ký đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn kháng cáo do ông Hiệp ký theo văn bản ủy quyền của bị đơn là chưa phù hợp với quy định tại khoản 4, 6 Điều 272 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại Thông báo số 11/TB-TA ngày 05/12/2022, Tòa án yêu cầu bị đơn cung cấp chứng cứ là địa chỉ của người lao động của bị đơn có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng (bà Trần Thị T4, bà Trần Trọng H3) và vai trò của ông Z1, người ký biên bản hòa giải ngày 29/3/2022 tại Ban Q Bình Dương (nội dung biên bản thể hiện nguyên đơn đòi bị đơn trả nợ số tiền 216.898.000 đồng, đại diện bị đơn là ông Z1 không đồng ý trả vì nguyên đơn tự ý không thực hiện hợp đồng). Tại văn bản ngày 15/12/2022, người đại diện hợp pháp của bị đơn trả lời Tòa án không biết ông Z1, còn hai người là bà Trần Thị T4, bà Trần Trọng H3 đã nghỉ việc; bị đơn không biết địa chỉ hiện tại của họ, bị đơn không yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ. Do đó, Tòa án xét xử vụ án theo thủ tục chung do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn, bị đơn thống nhất về việc hai bên ký Hợp đồng cung cấp suất ăn công nghiệp ngày 21/7/2021 nhưng thực tế nguyên đơn có thỏa thuận và thực hiện việc mua bán suất ăn công nghiệp với bị đơn từ trước ngày 21/7/2021; các điều khoản của hợp đồng ngày 21/7/2021 như sau:

- Số lượng 300 suất/bữa (sáng, trưa, chiều), giá 20.000 đồng/suất, mỗi tuần 07 ngày; số lượng tăng giảm theo ngày do bên bị đơn (bên mua) thông báo.
- Thời gian đối chiếu công nợ và thanh toán tiền từ ngày 01 đến ngày 10 hàng tháng sau khi bên bán (nguyên đơn) chuyển hóa đơn giá trị gia tăng cho bên mua.
- Bên mua có trách nhiệm cung cấp cho bên bán số điện thoại của người đặt hàng, nhận hàng (thức ăn).
- Thời hạn thực hiện hợp đồng đến ngày 20/10/2021.

Hai bên thống nhất số tiền mà bị đơn đã thanh toán tiền mua thức ăn cho nguyên đơn tính đến ngày 31/7/2021 là 381.766.000 đồng.

[2.2] Nguyên đơn xác định cung cấp thức ăn cho bị đơn đến ngày 13/8/2021, do người đặt hàng của bị đơn (bà Trần Thị T4) gọi điện nói ngưng cung cấp thức ăn do dịch Covid-19. Từ ngày 14/8/2021, nguyên đơn ngưng cung cấp thức ăn cho bị đơn, số tiền bị đơn còn nợ lại chưa thanh toán là 216.898.000 đồng, nguyên đơn xuất hóa đơn điện tử và gửi cho bị đơn, số hóa đơn 000031 ngày 31/8/2021. Ngoài ra, khi nguyên đơn khiếu nại, Ban Q Bình Dương hòa giải tại biên bản ngày 29/3/2020 thì đại diện bị đơn là ông Z1 có thừa nhận số tiền nợ trên.

Nguyên đơn còn cung cấp nội dung in từ tin nhắn qua zalo về việc trao đổi giữa người đại diện của nguyên đơn và bà Trần Thị T4 (người đặt cơm hàng ngày của bị đơn) về số lượng suất cơm hàng ngày mà bị đơn yêu cầu nguyên đơn thực hiện từ ngày 01/8/2021 đến 13/8/2021 và việc thanh toán tiền cơm của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn thừa nhận chỉ còn nợ nguyên đơn các suất cơm của ngày 01/8/2021 chưa thanh toán nhưng không rõ bao nhiêu; không thừa nhận nguyên đơn có cung cấp thức ăn đến ngày 13/8/2021, thừa nhận bà T4 là nhân viên của bị đơn nhưng không thừa nhận cung cấp số điện thoại của bà T4 cho nguyên đơn để bà T4 đặt cơm hàng ngày (như thỏa thuận tại hợp đồng), không thừa nhận ông Z1 do bị đơn cử đến Ban QĐ hòa giải theo biên bản ngày 29/3/2020, không thừa nhận đã nhận hóa đơn VAT do nguyên đơn chuyển đến.

[2.3] Xét lời khai của hai bên đương sự, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập được, thấy rằng:

Quá trình tố tụng, bị đơn không thừa nhận cũng không phủ nhận về số tiền nợ mà nguyên đơn yêu cầu thanh toán; bị đơn khai nhiều lần rằng sẽ đưa ra chứng cứ chứng minh thời điểm nguyên đơn vi phạm hợp đồng để bác bỏ số tiền nợ nguyên đơn yêu cầu nhưng không chứng minh. Khi nguyên đơn nhờ Ban Q Bình Dương hòa giải để lấy lại số tiền nợ 216.898.000 đồng, tại biên bản hòa giải ngày 29/3/2020, đại diện bị đơn ông Z1 (có phiên dịch là bà Trần Trọng H3) không thừa nhận cũng không phủ nhận về việc nguyên đơn cung cấp thức ăn theo hợp đồng đến ngày 13/8/2021 và số tiền nợ của bị đơn là 216.898.000 đồng; ông Z1 cho rằng nguyên đơn vi phạm hợp đồng nên bị đơn không thanh toán tiền. Tại biên bản xác minh ngày 08/8/2022, đại diện Ban Q khẳng định tính xác thực của Biên bản hòa giải ngày 29/3/2020.

Sau khi nguyên đơn khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn khai không biết ông Z1 là ai, không thừa nhận ông Z1 đại diện cho bị đơn đến Ban Q Bình Dương để hòa giải với nguyên đơn là không phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ. Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ được phân tích ở trên, đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì có căn cứ xác định nguyên đơn thực hiện theo hợp đồng cho đến hết ngày 13/8/2021; hai bên thống nhất đã tất toán và thanh toán tiền đến ngày 31/7/2021, từ ngày 01/8/2021 bị đơn chưa thanh toán. Nguyên đơn không chứng minh được số tiền cụ thể bị đơn nợ bao nhiêu, do đó tính theo nội dung hợp đồng thì: $300 \text{ suất} \times 3 \text{ suất/buổi} \times 11 \text{ ngày (trừ 02 ngày chủ nhật)} \times 20.000 \text{ đồng} = 23.400.000 \text{ đồng} + 10\% \text{ VAT} = 25.740.000 \text{ đồng}$. Bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ cho nguyên đơn là 25.740.000 đồng.

[2.4] Bị đơn trình bày là nguyên đơn có vi phạm hợp đồng từ tháng 8/2021 nhưng bị đơn không khiếu nại trong thời hạn theo quy định tại Điều 318 của Luật Thương mại nên không có căn cứ để xem xét và xác định lỗi và trách nhiệm bồi thường của nguyên đơn.

[2.5] Xét Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm tố tụng nhưng không nghiêm trọng, không cần phải hủy bản án sơ thẩm. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương xác định nguyên đơn cung cấp thức ăn cho bị đơn theo hợp đồng đến hết ngày 13/8/2021 là có căn cứ.

[3] Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm, phúc thẩm: Các bên phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148, điểm c khoản 2 Điều 203, khoản 2 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 50, 55 và Điều 318 của Luật Thương mại.

Căn cứ khoản 3 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH E

Sửa Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 15/2022/KDTM-ST ngày 05/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã T1, tỉnh Bình Dương như sau:

1.1. Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Một thành viên P với bị đơn Công ty TNHH E về việc “tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa”.

1.2. Buộc Công ty TNHH E phải thanh toán cho Công ty TNHH Một thành viên P số tiền 25.740.000 đồng (hai mươi năm triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì còn phải trả tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH E phải chịu 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

Công ty TNHH Một thành viên P phải chịu 9.557.900 đồng (chín triệu, năm trăm năm mươi bảy nghìn, chín trăm đồng), được khấu trừ vào số tiền 5.422.450 đồng (năm triệu, bốn trăm hai mươi hai nghìn, bốn trăm năm mươi đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0005949 ngày 23/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T1, tỉnh Bình Dương, Công ty TNHH Một thành viên P còn phải chịu 4.135.450 đồng (bốn triệu, một trăm ba mươi lăm nghìn, bốn trăm năm mươi đồng).

3. Án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH MTV P không phải chịu. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T1 trả lại cho Công ty TNHH E 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0006228 ngày 26/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T1, tỉnh Bình Dương.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã T1;
- TAND thị xã T1;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, Tổ Hành chính Tư pháp;
Tòa K.

Đào Minh Đa